

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**

**TỈNH HÒA BÌNH**

Bản án số: 04/2021/DS-PT

Ngày: 12 - 01 - 2022

*V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Kim Trường

*Các thẩm phán:*

Bà Nguyễn Thị Dụ

Bà Trần Thanh Hải

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Minh Thêu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:**  
Ông Phạm Văn Minh - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 13 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 19/2021/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2021 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, do có kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình đối với bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 26/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐ-PT ngày 19/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình và Quyết định hoãn phiên tòa số 26a/2021/QĐ-PT ngày 03/12/2021 và số 39/2021/QĐ-PT ngày 31/12/2021. Giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:**

Ông Trần Văn H, sinh năm 1952; địa chỉ: Phố B, xã M, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. – có mặt.

**2. Bị đơn:**

Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1958; địa chỉ: Phố B, xã M, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. – có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Bùi Thị Thiên - Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Phúc Vinh, Chi nhánh Hòa Bình. – có mặt.

### **3. Người có quyền lợi, N vụ liên quan:**

- Bà Lê Thị N, sinh năm 1952; địa chỉ: Phố B, xã M, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. – có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ kiện được tóm tắt như sau:

Đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm ông Trần Văn H trình bày:

Ông và bà Đỗ Thị M có mối quan hệ quen biết là hàng xóm, vào khoảng đầu năm 2019 bà M có đặt vấn đề với ông vay số tiền 100.000.000 đồng nhưng do không có đủ số tiền trên nên ông đã cho bà M vay tổng số tiền 97.660.000 đồng làm hai đợt: Đợt 1 vào ngày 01/02/2019: 92.660.000 đồng và Đợt 2 vào ngày 02/02/2019: 5.000.000 đồng; lãi suất thỏa thuận bằng miệng với nhau là 1,5%/tháng; thời hạn vay là 12 tháng, bà M đã nhận đủ tiền. Khi vay tiền lần hai, bà M ghi vay bà N 5.000.000 đồng, nhưng thực tế ông H là người cho bà M vay và giao tiền cho bà M.

Khi đến thời hạn trả nợ, ông và vợ là bà N đã nhiều lần đến yêu cầu bà M trả nợ nhưng bà M chưa thanh toán được khoản tiền nào. Nay ông đề nghị Tòa án buộc bà M thanh toán cho ông toàn bộ khoản tiền nợ gốc 97.660.000 đồng và tiền lãi tính từ thời điểm vay 01/02/2019 cho đến nay với lãi suất 1,5%/tháng, số tiền lãi khoảng 42.482.100 đồng. Ông yêu cầu bà M trả một mức lãi suất trên từ thời điểm cho vay đến khi xét xử sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn bà Đỗ Thị M trình bày:

Bà không vay tiền của ông H mà vay của bà N (vợ ông H). Cụ thể, bà có vay tiền của bà Lê Thị N vào cuối năm 2018, đến ngày 01/02/2019 bà N yêu cầu bà viết giấy vay tiền nội dung bà vay bà N 97.660.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng. Thực tế giấy vay tiền này là cộng dồn gốc và lãi từ năm 2018 đến thời điểm viết giấy vay tiền, trong đó tiền gốc là 75.000.000 đồng, lãi là 22.660.000 đồng, khi vay tiền lãi suất thỏa thuận bằng miệng giữa bà và bà N là 5.000 đồng/triệu/ngày. Tuy nhiên, bà đã trả toàn bộ số tiền trên cho bà N, bà không nợ khoản tiền nào khác. Giấy vay tiền trên bà M thừa nhận là do bà viết và ký nhận nhưng do chưa trả tiền lãi cao của 03 tháng (*tính theo lãi suất 5.000 đồng/ triệu/*

*ngày kể từ đầu tháng 02/2019 - thời điểm chốt gốc lãi của năm 2018 đến đầu tháng 5/2019 – thời điểm trả nợ)* nên bà chưa lấy giấy vay tiền về.

Cụ thể, bà M trả nợ như sau: Bà có khoản nợ 95.000.000 đồng tại Ngân hàng Agribank chi nhánh Kỳ Sơn - Hòa Bình, khoảng đầu tháng 5/2019, bà N đã thay bà thanh toán khoản nợ 95.000.000 đồng này với Ngân hàng làm hai lần: lần đầu bà N trả thay bà tại ngân hàng số tiền 80.000.000 đồng, lần hai là 15.000.000 đồng để bà M có đủ điều kiện vay khoản mới tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - chi nhánh Kỳ Sơn, mục đích đảo nợ ngân hàng để có tiền trả nợ cho bà N.

Vào ngày 02/5/2019 bà M đã vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Sơn số tiền 200.000.000 đồng và sau khi nhận khoản tiền vay tại ngân hàng, bà M đã trả luôn cho bà N khoản tiền 200.000.000 đồng trên ngay tại ngân hàng. Do tin tưởng nhau nên bà N nói để về đối chiếu lại sổ sách nên đã không lập giấy tờ biên bản gì về việc giao nhận số tiền 200.000.000 đồng nhưng bà M trình bày có chị Q. G (tên thường gọi tại chi nhánh là Q) là thủ quỹ ngân hàng chứng kiến sự việc trên.

Như vậy bà M đã thanh toán đủ khoản nợ cho bà N số tiền 95.000.000 đồng và khoản vay 97.660.000 đồng vay bà N trước đó. Bà M không đồng ý trả tiền cho ông H vì bà không vay tiền của ông H.

Quá trình giải quyết vụ án, bản tự khai người có quyền lợi, N vụ liên quan bà Lê Thị N trình bày:

Bà là vợ ông Trần Văn H, việc ông H cho bà M vay tiền thì bà có biết. Khi mới cho vay bà không biết nhưng sau đó ông H có nói lại với bà, ông H cho bà M vay tổng số tiền là 97.660.000 đồng. Bà N đồng ý để ông H khởi kiện đòi bà M toàn bộ số tiền trên, bà không có ý kiến gì. Do đòi nhiều lần bà M chưa có tiền trả nên bà M có nhờ bà ghi vào giấy tính lãi do bà M được cho bà viết để về đưa cho chồng bà M xem. Nội dung bảng tính gốc lãi mà bà M giao nội cho Tòa án là do bà M đọc cho bà ghi, bà thừa nhận là chữ viết của bà, tuy nhiên bà không ký vào bảng tính. Bảng tính này không liên quan gì đến khoản vay giữa ông H và bà M. Nội dung trong USB mà bà M cung cấp cho Tòa án bà đã được Tòa án cho nghe nội dung, đây đúng là giọng nói của bà, do bà xuống nhà đòi nợ khoản vay trước đó, bà cho bà M vay nhưng chỉ gặp con trai bà M, bà có nói chuyện với con trai bà M nhưng nội dung cuộc nói chuyện không liên quan đến khoản vay giữa ông H và bà M.

Theo bà N, khoảng tháng 4/2019 bà cho bà M vay 200 triệu đồng với mục đích để bà M đảo nợ ngân hàng. Sau đó bà M đã trả cho bà nên và đã hủy giấy

vay tiền. Khoản vay 200 triệu đồng này không liên quan gì đến khoản vay 97.660.000 đồng mà ông H đã cho bà M vay.

Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 26/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 3 Điều 144; Điều 227; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 463; 466; khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H về số tiền gốc và chấp nhận một phần yêu cầu về khoản tiền lãi.

Buộc bà Đỗ Thị M phải thanh toán cho ông Trần Văn H số tiền còn nợ là: 95.396.960 đồng. Trong đó 75.000.000 đồng tiền gốc và khoản tiền lãi của 06 đợt vay tiền đến ngày xét xử 26/8/2021 là 20.396.960 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về hiệu lực thi hành, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 31/8/2021 và ngày 01/9/2021, nguyên đơn ông Trần Văn H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị bà M phải trả cho ông tiền gốc 97.660.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận là 1,5%/tháng.

Ngày 06/9/2021, bị đơn bà Đỗ Thị M có đơn kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, vi phạm trong việc nhận định, đánh giá chứng cứ trong giao dịch vay tài sản không đúng, không công bằng. Đề nghị Tòa cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm, để xác minh làm rõ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của vợ chồng ông Trần Văn H và bà Lê Thị N.

Ngày 09/9/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình có quyết định kháng nghị đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo về việc yêu cầu bị đơn phải trả nợ gốc là 97.660.000 đồng, thay đổi kháng cáo về việc tính lãi suất, đề nghị Tòa án tính lãi suất chung là 10%/năm; bị đơn giữ nguyên toàn bộ nội dung kháng cáo và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác; Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định kháng nghị.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Trần Văn H cho rằng việc ông cho bà M vay 02 lần tiền là có thật và bà M đã ký giấy vay tiền, với tổng số tiền vay là 97.660.000 và lãi theo thỏa thuận miệng là 1,5%/tháng. Đến nay, bà M chưa trả gì cho ông nên ông Trần Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu

bà Đỗ Thị M phải trả cho ông tổng số tiền gốc là 97.660.000 đồng và tiền lãi tính từ thời điểm ngày 02/02/2019 đối với cả 02 khoản vay trên với lãi suất 10%/ năm theo quy định tại khoản 02 Điều 468 BLDS, không yêu cầu tính lãi quá hạn và không tính lãi trên khoản nợ lãi trong hạn chưa trả. Các ý kiến của bà M đưa ra, ông cho rằng không có cơ sở và nhằm trốn tránh việc trả nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Đỗ Thị M và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn nêu quan điểm: bà M có vay tiền bà N, nhưng số tiền vay nợ gốc là 75.000.000 đồng, còn lại là tiền lãi, với lãi xuất 5.000đ/1triệu/ngày, nên ghi gộp thành 97.660.000 đồng, ngoài ra bà M còn vay khoản tiền 95.000. 000 đồng, tổng cộng cả lãi là 200.000.000 đồng. Số tiền này bà M đã trả cho bà N nên bà không có trách nhiệm trả tiền cho vợ chồng ông bà H, N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình phát biểu về quá trình giải quyết vụ án giai đoạn phúc thẩm:

- Về việc chấp hành pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm, thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, thư ký tòa án và các thẩm phán tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng, các đương sự đều đã thực hiện đúng quyền, N vụ của các đương sự. Đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 26/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Buộc bà Đỗ Thị M phải trả cho ông Trần Văn H số tiền gốc là 97.660.000 đồng và tiền lãi 10%/năm, lãi suất được tính từ ngày 02/02/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng:**

Nguyên đơn ông Trần Văn H khởi kiện vụ án trang chấp Hợp đồng vay tài sản. Căn cứ khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân

sự, Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về phạm vi khởi kiện: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về Hợp đồng vay tài sản giữa hai bên, buộc bị đơn trả toàn bộ số nợ gốc và lãi theo giấy vay nợ đã ký kết, nên quan hệ pháp luật trong vụ án này là “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Kháng cáo của nguyên đơn, của bị đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

## **[2] Về nội dung kháng cáo, kháng nghị:**

[2.1] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Văn H và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình. Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà M cho rằng bà không vay của ông H mà vay của bà N nhiều lần từ giữa năm 2018 đến cuối năm 2018, nên bà N gọi đến nhà để chốt các khoản nợ, trong đó nợ gốc là 70.000.000 đồng và nợ lãi là 22.660.000 đồng, với lãi xuất là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày, ngày hôm sau vay thêm 5.000.000 đồng, tổng cộng là 97.660.000 đồng. Để chứng minh cho lời khai của mình, bà M cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm 03 tờ giấy trong đó có ghi các số, các đợt vay tiền, số tiền lãi...(BL 113, 114, 115). Theo bà M đây là các tờ giấy do bà N viết tính sẵn tiền gốc, tiền lãi các đợt vay đưa cho bà để xem và viết thành khoản nợ mới là 92.660.000 đồng. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại các tờ giấy do bà M cung cấp không thể hiện rõ nội dung vay tiền, không thể hiện ai là người vay tiền, không có chữ ký của bên vay và bên cho vay, số tiền tính lãi các đợt vay không phù hợp với thời gian vay, số tiền tổng lãi 5 đợt là 11.710.000 đồng, cộng với số tiền 10.500.000 đồng (theo bà M là tiền lãi tháng 1/2019) sau sửa thành 10.960.000 đồng, chênh lệch so với số tiền lãi tính tổng là 22.660.000 đồng. Mặt khác, ngoài tài liệu trên, bà M không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình. Về phía bà N có thừa nhận là người viết giấy trên nhưng không thừa nhận đó là tờ diễn giải các khoản vay theo giấy của ông H cho bà M vay, mà là viết theo đề nghị của bà M, bà không liên quan gì đến số tiền ông H đang khởi kiện đòi bà M.

Ngoài ra, bà M cho rằng bà vay lãi của bà N với lãi xuất 5.000đồng/1 triệu/1 ngày nhưng không có cơ sở chứng minh và theo kết quả trả lời tại Công văn số 1713/CATP ngày 25/5/2021 của Công an thành phố Hòa Bình thì xác định giao dịch dân sự giữa bà Đỗ Thị M với ông bà Trần Văn H, Lê Thị N

không đủ yếu tố cấu thành tội phạm được quy định tại khoản 1 Điều 201 BLHS năm 2015.

Từ những nhận định và chứng cứ trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai của bị đơn bà Đỗ Thị M và vào 03 tờ giấy do bà Đỗ Thị M cung cấp để khẳng định đó là chứng cứ chứng minh cho việc vay tiền và trả tiền giữa ông H và bà M, từ đó chấp nhận số tiền gốc mà bà M vay của ông H là 75.000.000 đồng chứ không phải số tiền vay là 97.660.000 như trong giấy vay tiền của bà M viết vay của ông H, mà không xem xét toàn diện các tài liệu, chứng cứ, sự mâu thuẫn các số liệu trong tờ giấy do bị đơn cung cấp là không có cơ sở vững chắc.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại giấy vay tiền (bút lục số 100) thể hiện: Ngày 01/12/2019, Bà Đỗ Thị M vay tiền của ông bà H N số tiền 92.660.000 đồng và ngày 02/02/2019 vay thêm số tiền 5.000.000 đồng. Tổng cộng 02 lần vay là 97.660.000 đồng. Giấy vay tiền này do chính bà M là người viết, ký nhận người vay tiền và ký nhận đã nhận đủ số tiền vay. Bà M là người có đủ năng lực hành vi dân sự, thừa nhận được viết, được ký giấy vay tiền trên và khi viết giấy vay tiền không bị ai lừa dối, ép buộc. Do vậy, giấy vay tiền trên là sự kiện rõ ràng và phù hợp với lời khai của nguyên đơn ông Trần Văn H. Các ý kiến của bị đơn cho rằng chỉ vay gốc 70.000.000 triệu, sau vay thêm 5.000.000 đồng, còn lại 22.660.000 đồng là tiền lãi, như vừa nhận định ở trên không có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định, căn cứ trên đây, có đủ cơ sở khẳng định số tiền ông H cho bà M vay ngày 01/02/2019 là 92.660.000 đồng và ngày 02/02/2019 là 5.000.000 đồng. Tổng cộng là 97.660.000 đồng tiền gốc.

Về lãi suất: Trong giấy vay nợ ghi lãi suất theo thỏa thuận mà không ghi cụ thể về lãi suất. Ông H cho rằng, hai bên thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng, còn bà M cho rằng lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/ ngày. Như vậy cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận vay có lãi nhưng không thống nhất được về lãi suất. Do vậy căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015, cần tính lại lãi suất theo quy định của pháp luật là 10%/năm đối với từng khoản nợ gốc tương ứng với thời gian vay cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, phía nguyên đơn đề nghị Tòa án tính lãi của cả 02 khoản vay từ ngày 02/02/2019 trên tổng nợ gốc là 97.660.000 đồng và chỉ yêu cầu tính lãi trong hạn và lãi quá hạn với mức lãi suất chung là 10%/năm, không tính lãi trên số tiền lãi trong hạn chưa trả. Xét đề nghị của nguyên đơn là tự

nguyên, phù hợp quy định pháp luật và có lợi cho bị đơn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và tính lãi cụ thể như sau:

Từ ngày 02/02/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/8/2021 là: 2 năm 6 tháng 25 ngày  $\times 97.660.000$  đồng  $\times 10\%/năm = 25.083.900$  đồng.

Như vậy, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình và kháng cáo của nguyên đơn Trần văn H là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2.2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị M.

Đối với kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không đưa đầy đủ những người có quyền lợi, N vụ liên quan vào tham gia tố tụng, vi phạm trong việc chấp hành trình tự thủ tục thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành vụ án theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự, việc thu thập các tài liệu chứng cứ đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; Tòa án sơ thẩm cũng đã đưa đầy đủ người có quyền lợi N vụ liên quan tham gia vụ án. Trong vụ án này, giấy vay tiền là do bà M viết và người vay là bà M nên Tòa án cấp sơ thẩm không đưa chồng của bà M tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

Đối với nội dung kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm trong nhận định, đánh giá chứng cứ dẫn đến xét xử không đúng, dung túng, bao che cho người có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là vợ chồng ông H, bà N và đề nghị hủy án sơ thẩm, để chuyển cơ quan điều tra làm rõ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông H, bà N. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại các bản tự khai, lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bà M đều khai năm 2018 bà có vay N nhiều lần, sau đó cộng dồn, chốt nợ gốc và nợ lãi thành số tiền 97.660.000 đồng. Nội dung này như đã phân tích nhận định ở phần trên là không có căn cứ để chấp nhận lời khai này của bà M. Ngoài ra bà M còn trình bày, ngày 02/5/2019 khi được Ngân hàng giải ngân cho vay số tiền 200.000.000 đồng, bà M đã dùng toàn bộ số tiền 200 triệu đồng này để trả nợ cho bà N ngay tại Ngân hàng Agribank Bãi Nai. Việc trả tiền không lập giấy tờ, biên bản giao nhận gì về việc giao nhận nhưng có chị Q.G là thủ quỹ ngân hàng chứng kiến. Qua xác minh, chị G cung cấp chị chỉ thực hiện đúng nhiệm vụ của mình, việc bà M giao tiền cho ai chị không biết. Bà N cũng thừa nhận có nhận 200.000.000 đồng từ bà M nhưng đây là trả khoản tiền vay khác giữa bà M và bà N để bà M đảo nợ ngân hàng, không liên quan đến khoản vay 97.660.000 đồng mà ông H cho bà M vay. Mặt khác việc bà M cho rằng bà N có hành vi lừa đảo để chiếm đoạt số tiền 200.000.000 đồng này đã được cơ quan Điều tra Công an thành phố Hòa Bình



xác minh và trả lời tại Công văn số 1713/CATP ngày 25/5/2021 là không có hành vi lừa đảo, bản chất vụ việc là tranh chấp dân sự số tiền 97.660.000 đồng. Do vậy, việc bị đơn bà Đỗ Thị M cho rằng đã trả số tiền 200.000.000 đồng cho bà N là không có căn cứ.

Từ những nhận định, căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn về việc đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để chuyển cơ quan điều tra làm rõ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông H, bà N.

[3] Về án phí: Ông Trần Văn H không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Bà Đỗ Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, dân sự phúc thẩm nhưng do bà M là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 nên bà M không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình và kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Văn H; Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị M.

Sửa bản án sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 26/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, cụ thể:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 3 Điều 144; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H.

Buộc bà Đỗ Thị M phải thanh toán cho ông Trần Văn H số tiền còn nợ là: 122.743.900 (*một trăm hai mươi hai triệu, bảy trăm bốn mươi ba nghìn, chín trăm đồng*) Trong đó 97.660.000 đồng tiền gốc và khoản tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm 26/8/2021 là 25.083.900 đồng.

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

2. Về án phí: Bà Đỗ Thị M được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm. Ông Trần Văn H được trả lại số tiền tạm ứng án phí 3.250.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004182 ngày 12/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 13/01/2022.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- CA tỉnh Hòa Bình;
- Cục THADS tỉnh Hòa Bình;
- TAND TPHB;
- Chi cục THADS TPHB;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Kim Trường**